

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KON RẪY
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS - ST

Ngày 31/5/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN HUYỆN KON RẪY, TỈNH KON TUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Nguyễn Xong.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Hồng Phúc.

+ Bà Đinh Thị Hồng.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nông Thị Thu Hải – Thư ký Tòa án.

Ngày 31/5/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2019/DSST ngày 02/01/2019 về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N.

Địa chỉ trụ sở: số 2 L H, Phường. T, Quận B, Tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K-Chủ tịch HĐQT Ngân hàng N.

Đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Ngân hàng N huyện K, tỉnh Kon Tum.

Địa chỉ: thôn ..., xã T, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn P - Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng N huyện K, tỉnh Kon Tum (theo giấy ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19/6/2014).

Người đại diện theo ủy quyền của Giám Đốc Ngân hàng N – Chi nhánh huyện Kon Rẫy: Ông Đặng Xuân S – Trưởng phòng kế hoạch kinh doanh (theo giấy ủy quyền số 118/GUQ-NHNo-KHKD ngày 31/5/2019) có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Vi Văn Q.

Địa chỉ: Thôn ..., xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị L.

Địa chỉ: Thôn ..., xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2018 và lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, đại diện của theo ủy quyền của Ngân hàng N (gọi tắt là Ngân hàng) trình bày:

Ngày 23/12/2015, anh Vi Văn Q, đại diện cho hộ gia đình có ký hợp đồng vay vốn của Ngân hàng với số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), HĐTD số 5104LAV201501731 thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay 7%/năm, mục đích sử dụng vốn vay chăn nuôi bò. Đến ngày 24/12/2016 anh Q đã không thực hiện đúng hợp đồng và bị chuyển nợ quá hạn với lãi suất là 150% lãi suất cho vay (10,5%/năm = 0,875%/tháng) theo quy định. Ngân hàng đã có nhiều hình thức đôn đốc, nhắc nhở nhưng anh Q đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 12/11/2018, anh Q còn nợ lại Ngân hàng số tiền 59.270.139đ (Năm mươi chín triệu, hai trăm bảy mươi

ngàn, một trăm ba mươi chín đồng). Trong đó: nợ gốc là 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), lãi trong hạn 5.920.833đ (Năm triệu, chín trăm hai mươi nghìn, tám trăm ba mươi ba đồng), lãi quá hạn 3.349.306đ (Ba triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, ba trăm linh sáu đồng) nên Ngân hàng đã khởi kiện yêu cầu anh Q, chị L trả toàn bộ số tiền trên và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bổ sung thêm phần lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm: yêu cầu anh Vi Văn Q và chị Hà Thị L thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N số tiền 62.196.527đồng (trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 12.196.527 đồng).

Về phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tòa án đã thông báo hợp lệ cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết về việc khởi kiện của Ngân hàng cũng như các văn bản tố tụng khác (bằng hình thức niêm yết tại nơi cư trú, tại Tòa án) nhưng phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Vụ án dân sự về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa: nguyên đơn Ngân hàng N và bị đơn anh Vi Văn Q, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hà Thị L được khởi kiện trong thời hạn luật định và thuộc thẩm quyền giải Q của Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy, tỉnh Kon Tum. Tranh chấp phát sinh giữa các bên là tranh chấp dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Kon Rẫy giải Q là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải Q vụ án, Ngân hàng đã cung cấp đúng địa chỉ của bị đơn theo đăng ký hộ khẩu thường trú và địa chỉ ghi nhận tại hợp đồng; Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng cho bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhưng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thường xuyên không có mặt tại nơi cư trú, đi đâu chính quyền không biết và không rõ thời điểm trở về nên Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng của vụ án theo quy định của pháp luật (bằng hình thức niêm yết) nhiều lần nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt vì vậy được coi là đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật; Đồng thời xét xử trên cơ sở các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[3] Về nội dung khởi kiện kiện yêu cầu bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải thanh toán toàn gốc và lãi phát sinh: Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử xét thấy hợp đồng tín dụng số 5104LAV201501731 ngày 23/12/2015 được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, chủ thể ký kết hợp đồng là người có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ thẩm quyền để ký kết theo quy định của pháp luật, nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, do đó hợp đồng trên là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên.

Sau khi ký hợp đồng (ngày 23/12/2015), Ngân hàng đã giải ngân cho anh Vi Văn Q vay số tiền là 50.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hộ gia đình anh Vi Văn Q đã không thực hiện

nghĩa vụ trả nợ (gốc, lãi) theo đúng cam kết (đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo điểm c khoản 2 Điều 5 của Hợp đồng tín dụng tín dụng số 5104LAV201501731 ngày 23/12/2015). Ngày 24/12/2016 Ngân hàng đã chuyển nợ quá hạn đối với khoản vay này theo quy định. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo, nhắc nhở, làm việc bằng biên bản đồn đốc anh Vi Văn Q trả nợ nhưng anh Q không thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/5/2019) hộ gia đình anh Vi Văn Q còn nợ Ngân hàng số tiền là 62.196.527đồng (trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 12.196.527 đồng).

Hội xét xử xét thấy việc bổ sung tiền lãi quá hạn phát sinh thêm từ ngày làm đơn khởi kiện đến ngày xét xử sơ thẩm của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

Về nghĩa vụ thanh toán: theo đơn khởi kiện, phía Ngân hàng xác định anh Q là bị đơn, chị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; qua xem xét toàn bộ các tài liệu chứng cứ thì hợp đồng này được ký kết để thực hiện dự án chăn nuôi bò của hộ gia đình mà chị L là thành viên (thể hiện tại giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn đề ngày 23/12/2015, sổ hộ khẩu gia đình) do vậy nghĩa vụ trả nợ thuộc về cả anh Vi Văn Q và chị Hà Thị L.

Vì vậy yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng anh Vi Văn Q, chị Hà Thị L trả cho nguyên đơn số tiền 62.196.527đồng (trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng, tiền lãi 12.196.527 đồng) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí. Buộc bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phải chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 107, Điều 110, Điều 298, Điều 474 của Bộ Luật dân sự 2005; Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 1 Điều 6, khoản 2 Điều 26 Nghị Q 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc anh Vi Văn Q và chị Hà Thị L có nghĩa vụ liên đới trả Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (31/5/2019) tổng cộng là 62.196.527 đồng (*Hai mươi lăm triệu bốn trăm bảy mươi hai nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng*). Trong đó: tiền gốc 50.000.000 đồng (*Năm mươi triệu đồng*), tiền lãi 12.196.527đồng (*Mười hai triệu một trăm chín mươi sáu nghìn năm trăm hai mươi bảy đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (01/6/2019) vợ chồng anh Vi Văn Q và chị Hà Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc

chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số số 5104LAV201501731 ngày 23/12/2015 và quy định của Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

3. Về án phí dân sự:

Buộc anh Vi Văn Q và chị Hà Thị L phải nộp 3.109.800 đồng (Ba triệu một trăm linh chín nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện K số tiền 1.481.700đ (Một triệu, bốn trăm tám mươi một nghìn, bảy trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0009068 ngày 25/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kon Rẫy.

4. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/5/2019), nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kon Rẫy;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Xong